

Bản án số: **68/2025/HSST**
Ngày 27/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

+ Ông **Nguyễn Văn Đồi**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hoàng Thị Mỹ Thương** - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2023/TLST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị H**; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 13/7/1989, tại: **Đà Nẵng**; HKTT và chỗ ở: **Tổ A, P.S, TP.Đà Nẵng**; Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: **LĐPT**; Trình độ văn hóa: 09/12; Họ và tên cha: **Trần Văn N** (SN: 1960, còn sống); Họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị T** (SN: 1958; còn sống); Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 4; Chồng: **Trần Văn T1** (SN: 1981; còn sống). Bị cáo có 07 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 26/5/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 15 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam thi hành án.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Chánh án Toà án nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng. ***Có mặt tại phiên tòa.***

- ***Bị hại:***

+ Anh **Phạm T2**, sinh năm: 1996. Nơi thường trú: Thôn P, xã H, Tp Đà Nẵng. Chỗ ở: Số B M, phường N, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Anh **Đoàn Đình S**- Sinh năm: 1995- Nơi thường trú: Thôn B, xã X, tỉnh Hưng Yên- Chỗ ở: Số B K, phường S, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Ông **Trần Duy H1**- Sinh năm: 1975- Địa chỉ: Tổ G phường T, quận S, Tp Đà Nẵng (nay là phường S, Tp Đà Nẵng). Vắng mặt.

+ Ông **Phạm L** – Sinh năm: 1974- Địa chỉ: B M, phường N, Tp Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông **Phạm Sỹ Minh Q**- Sinh năm: 1989- Địa chỉ: F L, phường T, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh **Lê Văn T3**- Sinh năm: 2001- Địa chỉ: B M, phường N, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 2/2019, Trần Thị H nhờ ông Trần Duy H2 (SN: 1975, trú tại: Tổ G, P. T, Q. S, TP .) đứng tên mua xe SH 150i, màu đen, BKS: 43E1-515.65 tại cửa hàng M trên đường L, Q. H, TP . với giá 90.000.000 đồng (do H có nợ xấu nên không vay trả góp được; thực tế tiền mua xe là của H và xe do H quản lý, sử dụng); H trả trước 60.000.000 đồng; số tiền 30.000.000 đồng trả góp trong vòng 06 tháng. Sau khi trả góp 20.000.000 đồng/04 tháng, còn 10.000.000 đồng H không có khả năng trả nên ông H2 đến cửa hàng trả 10.000.000 đồng còn lại và được cửa hàng xe giao giấy đăng ký xe mô tô trên mang tên Trần Duy H2 (giấy đăng ký xe này ông Hồ giữ).

Tháng 8/2021, do không có việc làm nên H liên hệ trên mạng xã hội Facebook đặt làm giả 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 mang tên Trần Thị H với giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận giấy đăng ký xe giả qua đường bưu điện, thông qua anh Phạm Sỹ Minh Q (SN: 1989; trú tại: F L, P. Thanh Khê T, Q. T, TP .) và anh Phạm L (SN: 1974; trú: 26 M, P.N, TP.Đà Nẵng) H gặp anh Phạm T2 (SN: 1996, trú tại: P, Đ, Đ, Quảng Nam) để vay tiền (giữa anh Q, anh L có quen biết nhau, anh L là chú của anh T2; anh Q và anh L không biết giấy đăng ký xe của H là giả). Cụ thể H đã 03 lần lừa đảo chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của anh T2 như sau:

Lần thứ 1: Ngày 10/10/2021, H nhờ anh Q dẫn đến gặp anh Tân mượn 50.000.000 đồng. Để làm tin, H viết giấy bán xe mô tô BKS 43E1-515.65 với giá 70.000.000 đồng (nhận trước 50.000.000 đồng) và đưa anh T2 giữ giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 mang tên Trần Thị H (giả). Kiểm tra thông tin trên giấy đăng ký đúng với xe H đang sử dụng nên anh T2 tin tưởng đưa H 50.000.000 đồng, cả hai thỏa thuận lãi suất 05%/tháng (xe H vẫn sử dụng).

Lần thứ 2: Ngày 21/10/2021, H tiếp tục nhờ anh Q đi cùng đến gặp anh Tân mượn thêm 50.000.000 đồng, trong đó thỏa thuận: 20.000.000 đồng – tiền bán xe còn lại theo giấy bán xe ngày 10/10/2021; 30.000.000 đồng – tiền H mượn thêm; lãi suất 05%/01 tháng. Anh T2 đồng ý và yêu cầu H viết giấy mượn tiền.

Lần thứ 3: Ngày 30/10/2021, H tự liên hệ anh Tân mượn 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5%/01 tháng. Anh T2 đồng ý cho H mượn và yêu cầu H ghi thêm “+ 50.000.000 đồng; tổng cộng 100.000.000 đồng” vào giấy mượn tiền ngày 21/10/2021.

Cả 03 lần này, H đều không trả lãi theo thỏa thuận. Tổng số tiền H đã chiếm đoạt của anh T2 là **150.000.000 đồng**, số tiền này H đã tiêu xài hết.

Đến ngày 20/4/2022, H tiếp tục đặt làm giả 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 mang tên Trần Thị H với giá 2.000.000 đồng (như lần 1) rồi dùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả để lừa đảo chiếm đoạt của anh Đoàn Đình S (SN: 1995, trú tại: Thôn B, Q, A, Hưng Yên; chỗ ở hiện nay: A T, P. M, Q. S, TP .) số tiền 20.000.000 đồng (Để tạo lòng tin H viết giấy bán xe giao cho anh S nhưng do thời gian lâu nên anh S đã làm thất lạc). Khoảng 10 ngày sau, H tiếp tục đến gặp anh S mượn thêm 10.000.000 đồng và giao xe cho anh S sử dụng. Sau khi chiếm đoạt tiền của anh S, H đã tiêu xài hết và cắt mọi liên lạc với anh S.

Ngày 19/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ nhận được Đơn tố cáo của anh T2. Ngày 31/5/2023, Cơ quan CSĐT C nhận được Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm số 499/PC-VPCQCSĐT đề ngày 22/5/2022 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ.

*** Tang vật tạm giữ của anh Phạm T2 (BL: 27):**

- 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H (niêm phong ký hiệu A).

- 01 Giấy mượn tiền (bên mượn: Trần Thị H; bên cho mượn: P) ghi ngày 21/10/2021.

- 01 Giấy bán xe mô tô BKS 43E1-515.65 ghi ngày 10/10/2021 có nội dung: Trần Thị H nhận cọc 50.000.000 đồng; còn lại 20.000.000 đồng nhận sau trong vòng 1 tháng.

*** Tang vật tạm giữ của anh Đoàn Đình S (BL: 54):**

- 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H (niêm phong ký hiệu A1);

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i BKS 43E1-515.65.

* Theo Kết luận giám định số 727/KL-KTHS ngày 24/8/2023 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận (BL: 25): 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cần giám định ký hiệu A là giả.

* Theo Kết luận giám định số 515/KL-KTHS ngày 30/6/2025 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận (BL:21-22):

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cần giám định ký hiệu A1 là giả.

- Chữ viết, chữ ký mang tên Trần Thị H trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ viết, chữ ký của Trần Thị H trên các mẫu so sánh ký hiệu M2 và M3 do cùng một người viết và ký ra.

* Theo Kết luận định giá tài sản trong TTHS quận N kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i BKS 43E1-515.65 có giá trị 72.000.000 đồng.

Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: Xe mô tô BKS 43E1-515.65 tên chủ xe là Trần Duy H2.

Quá trình điều tra, Trần Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội như trên (BL: 83-104).

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 46/CT-VKSKV2 ngày 15/9/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đồng thời đề nghị:

- Áp dụng điểm b, c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự phạt xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam.

- Áp dụng điểm b, d Khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự phạt xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam.

- Áp dụng Điều 55, 56 BLHS để tổng hợp hình phạt của cả hai tội và tổng hợp hình phạt với Bản án số 43/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của TAND Thành phố Đà Nẵng.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H (niêm phong ký hiệu A); 01 Giấy mượn tiền (bên mượn: Trần Thị H; bên cho mượn: P) ghi ngày 21/10/2021; 01 Giấy bán xe mô tô BKS 43E1-515.65 ghi ngày 10/10/2021 có nội dung: Trần Thị H nhận cọc 50.000.000 đồng; còn lại 20.000.000 đồng nhận sau trong vòng 1 tháng; 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H (niêm phong ký hiệu A1) – là vật chứng của vụ án đề nghị tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i BKS 43E1-515.65; SK: RLHKF2508GY008807; SM: KF25E0008852 để đảm bảo thi hành án.

* **Về dân sự:** Căn cứ Điều 48 BLHS, Điều 584, Điều 589 BLDS đề nghị HĐXX buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại- anh Phạm Tân S1 tiền 150.000.000 đồng.

- Sau khi xảy ra sự việc, H đã bồi thường cho anh Đoàn Đình S số tiền 6.000.000 đồng, còn lại 24.000.000 đồng anh S không yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến

- Anh Trần Duy H2 không yêu cầu bồi thường dân sự đối với số tiền 10.000.000 đồng nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình giải quyết, những người bị hại có đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Trần Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/10/2021 đến cuối tháng 04/2022, do không có việc làm, không có tiền tiêu xài nên Trần Thị H đã 02 lần đặt làm giả 02 giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H. Sau đó, H sử dụng 02 giấy đăng ký xe mô tô giả này để 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Phạm Tân S1 tiền 150.000.000 đồng và 02 lần lừa đảo chiếm đoạt của anh Đoàn Đình S số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số tiền mà H đã chiếm đoạt của anh T2 và anh S là 180.000.000 đồng. Ngoài ra, cũng trong khoảng thời gian này, với phương thức và thủ đoạn như vậy, bị cáo H đã nhiều lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với ông Phạm L với số tiền 880.000.000 đồng (đã được giải quyết tại Bản án số 43/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của TAND Thành phố Đà Nẵng).

Do vậy, hành vi trên đây của bị cáo Trần Thị H đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm b, c khoản 2 điều 174 BLHS và tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 BLHS. Do đó Bản cáo trạng số 46/CT-VKSKV2 ngày 15/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng đã truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội thì thấy: Do ý thức coi thường pháp luật, lười lao động nhưng lại muốn có tiền để tiêu xài cho bản thân một cách dễ dàng và nhanh nhất nên bị cáo đã bất chấp tất cả để thực hiện các hành vi phạm tội nhiều lần. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất liều lĩnh, táo bạo, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu và tài liệu và xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đây là một trong những khách thể quan trọng luôn được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất ổn định trật tự trị an xã hội tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bồi thường khắc phục hậu quả một phần cho người bị hại- anh Đoàn Đình S nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình

phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung. Cần áp dụng Điều 55 để tổng hợp hình phạt của 2 tội và áp dụng Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt với Bản án số 43/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của TAND Thành phố Đà Nẵng với mức hình phạt là 15 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i BKS 43E1-515.65; SK: RLHKF2508GY008807; SM: KF25E0008852 để đảm bảo thi hành án. (*Các vật chứng, tài sản trên hiện Thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/9/2025*).

- Đối với: 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H (niêm phong ký hiệu A); 01 Giấy mượn tiền (bên mượn: Trần Thị H; bên cho mượn: P) ghi ngày 21/10/2021; 01 Giấy bán xe mô tô BKS 43E1-515.65 ghi ngày 10/10/2021 có nội dung: Trần Thị H nhận cọc 50.000.000 đồng; còn lại 20.000.000 đồng nhận sau trong vòng 1 tháng; 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H (niêm phong ký hiệu A1) – là vật chứng của vụ án cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS, Điều 584, Điều 589 BLDS buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại- anh Phạm Tân S1 tiền 150.000.000 đồng.

- Sau khi xảy ra sự việc, H đã bồi thường cho anh Đoàn Đình S số tiền 6.000.000 đồng, còn lại 24.000.000 đồng anh S không yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến

- Anh Trần Duy H2 không yêu cầu bồi thường dân sự đối với số tiền 10.000.000 đồng nên không đề cập đến.

[9] Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Trần Duy H2, anh Phạm Sỹ Minh Q và anh Phạm L không liên quan và không hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của H nên Cơ quan CSĐT Công an TP.Đà Nẵng không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với đối tượng có hành vi làm giả giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H, hiện không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan CSĐT Công an T4.Đà Nẵng sẽ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Xét các nội dung đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng về điều khoản luật và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp các nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Án phí HSST: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị H** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*"

1. Căn cứ: Điểm b, c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H **04 (bốn) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ: Điểm b, d Khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt của cả hai tội là **06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt **15 (mười lăm) năm** tù tại Bản án số 43/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của TAND Thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai bản án là **21 (Hai mươi một) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i BKS 43E1-515.65; SK: RLHKF2508GY008807; SM: KF25E0008852 để đảm bảo thi hành án. *(Các vật chứng, tài sản trên hiện Thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/9/2025).*

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H (niêm phong ký hiệu A); 01 Giấy mượn tiền (bên mượn: Trần Thị H; bên cho mượn: P) ghi ngày 21/10/2021; 01 Giấy bán xe mô tô BKS 43E1-515.65 ghi ngày 10/10/2021 có nội dung: Trần Thị H nhận cọc 50.000.000 đồng; còn lại 20.000.000 đồng nhận sau trong vòng 1 tháng; 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 43E1-515.65 số 307923 mang tên Trần Thị H (niêm phong ký hiệu A1).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS, Điều 584, Điều 589 BLDS buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại- anh Phạm Tân S1 tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Án phí HSST: Bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng).*

6. Án phí DSST: Bị cáo Trần Thị H phải chịu 7.500.000 đồng *(Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng)*

Án xử công khai, bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 2 – Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- CQCSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- THADS Thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm